

SỰ HỖ TRỢ TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN: THÚC ĐẨY TINH THẦN KHỞI NGHIỆP TRONG GIỚI TRẺ VIỆT NAM

● NGUYỄN NGỌC MAI

Khoa Kinh tế Đại học Đồng Nai

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá tác động của các yếu tố hỗ trợ từ trường đại học bao gồm hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ phát triển ý tưởng và hỗ trợ phát triển kinh doanh đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Việt Nam. Dữ liệu được thu thập từ 793 sinh viên đến từ 13 trường đại học khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy nhận thức của sinh viên về ý định khởi nghiệp và hỗ trợ từ trường đại học có sự khác biệt đáng kể theo đặc điểm nhân khẩu học. Trong ba yếu tố hỗ trợ từ trường đại học, chỉ có hỗ trợ giáo dục có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đối với ý định khởi nghiệp. Ngoài ra, nghiên cứu cũng phát hiện sự khác biệt theo phân khúc trong nhận thức của sinh viên về hỗ trợ từ trường đại học.

Từ khóa: ý định khởi nghiệp, khởi nghiệp sinh viên, tinh thần khởi nghiệp, hỗ trợ từ trường đại học, giới trẻ.

1. Đặt vấn đề

Theo Cục Thống kê, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của Việt Nam quý IV/2024 là 2,22%; tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) quý IV/2024 là 7,96%; tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo là 1,3 triệu thanh niên, chiếm 10,0% tổng số thanh niên. Điều này tất yếu dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động trong nước, làm giảm cơ hội việc làm cho sinh viên thuộc các lĩnh vực này.

Mặc dù khởi nghiệp tại Việt Nam đang phát triển với tốc độ nhanh chóng, nhưng số lượng

nghiên cứu về khởi nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến ý định trở thành doanh nhân vẫn còn hạn chế. Nhiều nhà nghiên cứu đã nỗ lực xác định nguyên nhân hình thành ý định khởi nghiệp. Phần lớn các nghiên cứu này tập trung vào các yếu tố liên quan đến doanh nhân, liên hệ đặc điểm cá nhân hoặc vốn con người với ý định khởi nghiệp. Tuy nhiên, chỉ có một số ít nghiên cứu tập trung vào các yếu tố tâm lý cơ bản hình thành nên ý định khởi nghiệp.

Do đó, nghiên cứu này hướng đến việc: (1) đánh giá tác động của hỗ trợ từ trường đại học đối với

ý định khởi nghiệp của sinh viên; (2) khám phá sự khác biệt về ý định khởi nghiệp theo các biến nhân khẩu học; và (3) phân nhóm sinh viên dựa trên nhận thức của họ về hỗ trợ từ trường đại học.

2. Cơ sở lý thuyết

Ý định khởi nghiệp của sinh viên

Trong nghiên cứu về khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp (Entrepreneurial Intention - EI) thường được hiểu là một quá trình tư duy và nhận thức dẫn đến quyết định thành lập và vận hành một doanh nghiệp mới. EI thể hiện mức độ sẵn sàng của một cá nhân trong việc khởi sự kinh doanh và phản ánh trạng thái tư duy hướng đến việc tạo ra các giá trị mới.

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng EI có khả năng dự báo hành vi khởi nghiệp, vốn mang tính chủ ý và có chủ đích. Tuy nhiên, để hành vi này diễn ra, cần có sự tương tác giữa các yếu tố tâm lý và thể chất (độ tuổi, giới tính) cũng như kinh nghiệm chuyên môn và trải nghiệm khởi nghiệp. Các nhà nghiên cứu cho rằng, EI của sinh viên bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như khả năng sáng tạo và động lực, giới tính và mức độ chấp nhận rủi ro (Gurel et al., 2021), hình mẫu khởi nghiệp, kinh nghiệm khởi nghiệp trước đây và đặc điểm tính cách, nền tảng gia đình hoặc sự hỗ trợ từ gia đình, xu hướng chấp nhận rủi ro, khả năng nhận diện cơ hội và giáo dục khởi nghiệp.

Nhân khẩu học của sinh viên ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp

Các yếu tố nhân khẩu học như độ tuổi và giới tính được giả thuyết là có tác động đến ý định khởi nghiệp (EI) (Ertuna & Gurel, 2011). Trong nghiên cứu của Nguyen (2018), nam giới có xu hướng khởi nghiệp cao hơn so với nữ giới.

Bên cạnh giới tính, nền tảng gia đình cũng đóng vai trò quan trọng. Trong nghiên cứu của Nguyen (2018), lập luận rằng sự hỗ trợ của gia đình có vai trò điều tiết mối quan hệ giữa tự hiệu quả khởi nghiệp và EI.

Ngoài ra, các trải nghiệm khởi nghiệp trước đó như sở hữu doanh nghiệp gia đình, làm việc bán thời gian, thực tập mùa hè hoặc thậm chí các nỗ lực khởi nghiệp thất bại cũng có thể ảnh hưởng đến EI của sinh viên (Khuong & An, 2016).

Do đó, nghiên cứu này đưa ra giả thuyết như sau:

H1: Nhận thức của sinh viên về sự hỗ trợ từ trường đại học và ý định khởi nghiệp khác biệt đáng kể theo các đặc điểm nhân khẩu học của họ.

Sự hỗ trợ từ trường đại học như một yếu tố dự báo ý định khởi nghiệp của sinh viên

Dựa trên các nghiên cứu gần đây về ý định khởi nghiệp (EI) của sinh viên (Su et al., 2021), nghiên cứu này sử dụng thang đo do Kraaijenbrink et al. (2010) phát triển, đo lường nhận thức của sinh viên về sự hỗ trợ khởi nghiệp từ trường đại học. Sự hỗ trợ này bao gồm ba khía cạnh chính: hỗ trợ giáo dục (Educational Support - ES), hỗ trợ phát triển ý tưởng (Concept Development Support - CDS) và hỗ trợ phát triển kinh doanh (Business Development Support - BDS). Trong phần này, nghiên cứu tập trung vào khía cạnh ES.

Hỗ trợ giáo dục (Educational Support - ES)

Hỗ trợ giáo dục (ES) đề cập đến kiến thức và kỹ năng mà các trường đại học cung cấp nhằm hỗ trợ sinh viên trong việc tiếp cận thông tin, rèn luyện kỹ năng, thực tập và tham gia vào các hoạt động cộng đồng cần thiết để khởi nghiệp.

Nghiên cứu của Amankwah & Sesen (2021), ES đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới và sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động khởi nghiệp. Các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng một tầm bằng đại học truyền thống chủ yếu chuẩn bị cho sinh viên những nghề nghiệp có sẵn trên thị trường (Oraison et al., 2019).

Tuy nhiên, mặc dù có nhiều nghiên cứu ghi nhận sự gia tăng đáng kể của giáo dục khởi nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học (Mustafa et al., 2016), nhưng vẫn còn thiếu các nghiên cứu cụ thể về ES, đặc biệt là về tác động của ES đối với EI của sinh viên. Vì vậy, nghiên cứu này đề xuất giả thuyết sau:

H2: Hỗ trợ giáo dục (ES) có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến ý định khởi nghiệp (EI) của sinh viên.

Hỗ trợ phát triển ý tưởng (Concept Development Support - CDS)

Hỗ trợ phát triển ý tưởng (CDS) đề cập đến sự hỗ trợ của trường đại học dành cho sinh viên về mặt động lực, nhận thức và các khái niệm kinh doanh trong giai đoạn đầu của quá trình khởi nghiệp, khi họ còn đang theo học tại trường. CDS có thể bao gồm việc giới thiệu sinh viên với những hình mẫu khởi nghiệp, hỗ trợ họ phát triển các ý tưởng kinh doanh theo ngành và cung cấp giáo dục liên quan đến khởi sự doanh nghiệp. Các nghiên cứu gần đây (Mustafa et al., 2016) đã chỉ ra nhận thức của sinh viên về CDS có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp

(EI). Kết quả cho thấy, CDS là một yếu tố quan trọng trong sự hỗ trợ của trường đại học, góp phần mang lại kết quả khởi nghiệp tích cực. Nghiên cứu này đề xuất giả thuyết sau:

H3: Hỗ trợ phát triển ý tưởng (CDS) có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến ý định khởi nghiệp (EI) của sinh viên.

Hỗ trợ phát triển kinh doanh (Business Development Support - BDS)

Hỗ trợ phát triển kinh doanh (BDS) có thể bao gồm tư vấn, hỗ trợ tài chính và pháp lý, hỗ trợ hành chính và marketing, cung cấp cơ sở vật chất và hướng dẫn phát triển doanh nghiệp. Chẳng hạn, sinh viên có thể hưởng lợi từ hệ sinh thái khởi nghiệp tại trường đại học, sự hỗ trợ từ vườn ươm doanh nghiệp trong trường, cũng như các nguồn tài chính, công nghệ và tư vấn chuyên môn (Luc, 2018).

Để có thể khởi nghiệp thành công, giáo dục khởi nghiệp đơn thuần có thể chưa đủ, cho rằng giáo dục khởi nghiệp (ES) không đủ để thúc đẩy ý định khởi nghiệp, mà cần có thêm hỗ trợ phát triển kinh doanh (BDS) nhằm giúp sinh viên tiếp cận và huy động vốn cho dự án khởi nghiệp của họ.

Tuy nhiên, trong bối cảnh Việt Nam, vẫn chưa có nghiên cứu nào kiểm chứng tác động của BDS đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nghiên cứu hiện tại đề xuất giả thuyết sau:

H4: Hỗ trợ phát triển kinh doanh (BDS) có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến ý định khởi nghiệp (EI) của sinh viên.

Phân khúc sinh viên dựa trên nhận thức về sự hỗ trợ từ trường đại học

Các nghiên cứu trước đây cho thấy nhận thức của sinh viên về sự hỗ trợ từ trường đại học có sự khác biệt đáng kể. Điều này có thể được lý giải bởi sự khác biệt cá nhân như giới tính, trình độ học vấn, tính cách, v.v. Israr và Saleem (2018) phát hiện rằng ý định khởi nghiệp (EI) của sinh viên đại học tại Ý bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như giới tính, nền tảng gia đình, giáo dục khởi nghiệp, cũng như đặc điểm tính cách (hướng ngoại, sự hòa đồng và sự cởi mở với trải nghiệm mới).

Vì vậy, nghiên cứu này đưa ra giả thuyết sau:

H5: Sinh viên có thể được phân thành nhiều nhóm khác nhau dựa trên nhận thức của họ về sự hỗ trợ từ trường đại học.

3. Phương pháp nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu và quy trình thực hiện

Nghiên cứu này tập trung vào các trường đại học có chương trình đào tạo kinh tế vì những chương trình này thường tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào chương trình giảng dạy. Ngoài ra, đối tượng khảo sát là sinh viên năm ba và năm tư vì họ có nhiều cơ hội tiếp cận sự hỗ trợ từ trường đại học hơn và có xu hướng quan tâm đến khởi nghiệp hơn so với sinh viên năm nhất và năm hai.

Do đó, mẫu nghiên cứu gồm 793 sinh viên từ 13 trường đại học. Trong số 13 cơ sở giáo dục đại học này, 10 trường nằm tại TP. HCM, trong khi 3 trường còn lại tại các khu vực khác.

Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện, do phương pháp này giúp tiết kiệm thời gian và chi phí trong quá trình thu thập dữ liệu.

Quy trình khảo sát

Một nghiên cứu thử nghiệm (pilot study) đã được tiến hành với 40 sinh viên đang theo học một khóa khởi nghiệp tại một trường đại học ở TP. HCM. Kết quả thử nghiệm dẫn đến một số điều chỉnh nhỏ liên quan đến độ dài, cấu trúc bảng khảo sát. Sau khi hoàn thành thử nghiệm, khảo sát chính thức được thực hiện trong khoảng thời gian tháng 9 - tháng 12/2024 với 793 sinh viên.

Hệ số Cronbach's alpha đo lường độ tin cậy của thang đo là 0,907 cho thang đo EI (6 mục) và 0,724 cho thang đo hỗ trợ từ trường đại học (13 mục).

Dữ liệu khảo sát từ 793 sinh viên cho thấy: 302 sinh viên là nam (38,1%), trong khi 491 sinh viên là nữ (61,9%). Về chuyên ngành học, 349 sinh viên (44%) thuộc khoa kinh tế, trong khi 444 sinh viên (56%) thuộc các khoa khác. Xét theo năm học, có 457 sinh viên năm 3 (57,6%) và 336 sinh viên năm 4 (42,4%). Về hoàn cảnh gia đình, 284 sinh viên (35,8%) cho biết gia đình họ có kinh doanh riêng, trong khi 509 sinh viên (64,2%) cho biết gia đình không có kinh doanh riêng. Khi được hỏi về kinh nghiệm khởi nghiệp trong thời gian học đại học, 319 sinh viên (40,2%) trả lời có kinh nghiệm, trong khi 474 sinh viên (59,8%) không có kinh nghiệm. Cuối cùng, 452 sinh viên (57%) cho biết họ đã tham gia ít nhất một khóa học, hội thảo hoặc chương trình đào tạo về khởi nghiệp, trong khi 341 sinh viên (43%) chưa từng tham gia.

Thang đo

Biến phụ thuộc: biến phụ thuộc EI của sinh viên được đo lường bằng thang đo sáu mục được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu gần đây (Renko et al., 2021). Tất cả các biến được đánh giá theo thang Likert 7 điểm, với mức phản hồi từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 7 (hoàn toàn đồng ý). Hệ số α của thang đo là 0,917.

Biến độc lập: Vai trò của hỗ trợ từ trường đại học được đo lường bằng thang đo 13 mục của Kraaijenbrink et al. (2010), đánh giá nhận thức của sinh viên về ba khía cạnh hỗ trợ từ trường đại học: hỗ trợ giáo dục (ES) (sáu mục), hỗ trợ phát triển ý tưởng (CDS) (bốn mục) và hỗ trợ phát triển kinh doanh (BDS) (ba mục). Một số ví dụ về mục đo lường ES bao gồm: “Trường đại học của tôi cung cấp các khóa học tự chọn về khởi nghiệp”, “Trường đại học của tôi có các dự án thực tế tập trung vào khởi nghiệp”, v.v. Đối với CDS, các ví dụ bao gồm: “Trường đại học của tôi nâng cao nhận thức về khởi nghiệp như một lựa chọn nghề nghiệp có thể có”, “Trường đại học của tôi khuyến khích sinh viên khởi nghiệp”, v.v. Đối với BDS, các ví dụ điển hình là: “Trường đại học của tôi cung cấp hỗ trợ tài chính để sinh viên khởi nghiệp”, “Trường đại học của tôi sử dụng uy tín của mình để hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp”. Tất cả các mục được đánh giá theo thang Likert bảy điểm, với mức phản hồi từ một (hoàn toàn không đồng ý) đến bảy (hoàn toàn đồng ý). Hệ số α của thang đo ES

là 0,922; CDS là 0,923 và BDS là 0,908. Thang đo này đã được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu gần đây về EI của sinh viên (Mustafa et al., 2016).

4. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1 phân tích tương quan giữa các biến nghiên cứu, hệ số α cũng như một số thống kê mô tả (giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, độ lệch (skewness) và độ nhọn (kurtosis)). Đáng chú ý, giá trị độ tin cậy của tất cả các thang đo đều trên 0.900. Các mối quan hệ có ý nghĩa thống kê ($p < 0.01$) và dường đã được quan sát giữa các biến nghiên cứu. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn cho thấy rằng yếu tố khởi nghiệp có giá trị trung bình cao nhất ($\bar{x} = 5.4$; $sd = 1.45$), trong khi BDS có giá trị trung bình thấp nhất ($\bar{x} = 3.2$; $sd = 1.90$). Các giá trị độ lệch và độ nhọn nằm trong khoảng từ -1.5 đến +1.5 đối với tất cả các yếu tố.

Để kiểm tra giả thuyết này, nghiên cứu đã phân tích sự khác biệt trong nhận thức của sinh viên về EI và các khía cạnh của hỗ trợ từ trường đại học (ES, CDS và BDS) theo đặc điểm nhân khẩu học của họ. Như thể hiện trong Bảng 2, đối với biến phụ thuộc (EI), không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ hoặc giữa sinh viên năm ba và năm tư.

Đối với các biến độc lập (ES, CDS và BDS), cũng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.01$; $p < 0.05$) theo đặc điểm nhân khẩu học của sinh viên. Cụ thể, sinh viên thuộc các khoa kinh tế, sinh viên năm ba, sinh viên có gia đình kinh doanh, có kinh nghiệm khởi nghiệp và đã tham gia các khóa đào

Bảng 1. Phân tích tương quan và thống kê mô tả các biến

	(1)	(2)	(3)	(4)
(1) EI	(.917)			
(2) ES	.239**	(.922)		
(3) CDS	.232**	.824**	(.923)	
(4) BDS	.174**	.696**	.731**	(.908)
$\bar{x}$	5.4498	4.1547	4.3430	3.2232
SD	1.45650	1.78839	1.86418	1.90197
Skewness	-.948	-.131	-.237	.486
Kurtosis	.127	-1.058	-1.045	-.915

** Significant at $p < 0.01$ level

Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát

Bảng 2. Sự khác biệt đáng kể trong nhận thức của sinh viên đối với các biến nhân khẩu học

Biến	Nhóm	Số lượng	EI	ES	CDS	BDS
Giới tính	Nam	302	.14352	.05946	-.11945	.09943
	Nữ	491				
Khoa	Kinh tế	349	.50594*	.64745*	.79088*	.43722*
	Khác	444				
Năm	3 rd	457	.05744	.28047**	.38603*	.16008
	4 th	336				
Kinh doanh gia đình	Có	284	.30957*	.50507*	.46266*	.54278*
	Không	509				
Kinh nghiệm khởi nghiệp	Có	319	.51321*	.38279*	.21415	.28564*
	Không	474				
Các khóa học khởi nghiệp, hội thảo, đào tạo	Có	452	.70076*	.29368*	.35996*	.18751
	Không	341				

*Mean difference is significant at $p < 0.01$;
 ** Mean difference is significant at $p < 0.05$.

Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát

tạo về khởi nghiệp có nhận thức tích cực hơn về ES, CDS và BDS. Do đó, giả thuyết đầu tiên chỉ được hỗ trợ một phần. (Bảng 2)

Để kiểm tra các giả thuyết này, nghiên cứu đã thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính bội. Mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê ($F: 17.129$; $p < 0.01$) với giá trị R^2 là 0.061. Chỉ có ES ($\beta: 0.157$; $p \leq 0.05$) có tác động tích cực đáng kể đến EI, trong khi CDS ($p = 0.074 > 0.05$) và BDS ($p = 0.678 > 0.05$) không có ảnh hưởng đáng kể. Do đó, chỉ có H2 được hỗ trợ, trong khi H3 và H4 không được hỗ trợ.

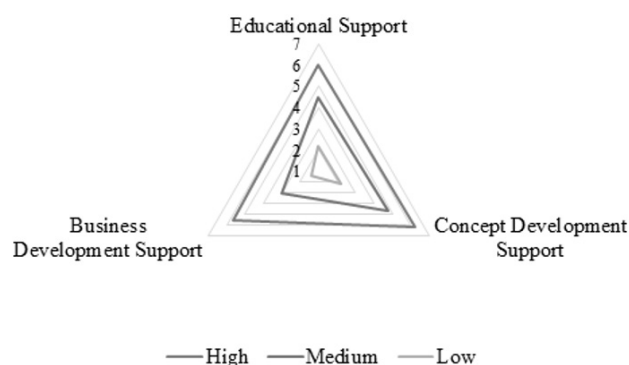
Các nhóm sinh viên đã được xác định bằng cách sử dụng phân tích cụm không phân cấp dựa trên quan điểm của họ về các khía cạnh của hỗ trợ từ trường đại học. Nhìn chung, việc phân loại sinh viên theo nhận thức của họ về hỗ trợ từ trường đại học có ý nghĩa thống kê ($p < 0.001$) và 793 sinh viên được chia thành ba cụm.

Hơn nữa, giá trị trung bình của ba cụm khác biệt đáng kể ($p < 0.05$) về nhận thức của sinh viên đối với các khía cạnh của hỗ trợ từ trường đại học. Để kiểm tra sự khác biệt giữa các nhóm, nghiên cứu đã áp

dụng kiểm định Tukey và cả ba cụm đều có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$) đối với tất cả các đặc điểm của hỗ trợ từ trường đại học. Cụ thể, cụm thứ nhất bao gồm 221 sinh viên (27.9%), cụm thứ hai gồm 315 sinh viên (39.7%) và cụm thứ ba gồm 257 sinh viên (32.4%).

Như thể hiện trong Hình 1, CDS có giá trị cao

Hình 1: Phân khúc sinh viên theo các khía cạnh hỗ trợ của trường đại học



Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát

nhất trong khi BDS có giá trị thấp nhất. Nhóm có mức độ nhận thức thấp về BDS có khoảng cách rõ rệt so với các cụm khác. Nhìn chung, có thể quan sát thấy sự song song giữa hai khía cạnh còn lại.

Kiểm định chi-square được áp dụng để xác định sự khác biệt về nền tảng của ba nhóm theo nhận thức của sinh viên về hỗ trợ từ trường đại học. Sự khác biệt giữa các cụm có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$) đối với các biến như khoa, năm học và kinh doanh gia đình. Ngược lại, không có sự khác biệt đáng kể ($p > 0.05$) đối với các yếu tố như giới tính, kinh nghiệm khởi nghiệp và việc tham gia các khóa học, hội thảo, hoặc chương trình đào tạo về khởi nghiệp.

5. Thảo luận và hàm ý

Nghiên cứu này nhằm hiểu rõ nhận thức của sinh viên về ý định khởi nghiệp (EI) và sự hỗ trợ từ trường đại học, đồng thời phân nhóm sinh viên theo nhận thức của họ. Do đó, giả thuyết về tác động của nền tảng nhân khẩu học đối với nhận thức của sinh viên về EI và sự hỗ trợ từ trường đại học (H1) chỉ được hỗ trợ một phần.

Phát hiện này không hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu trước đây, Ertuna và Gurel (2011) cho rằng sinh viên năm cuối có xu hướng có ý định khởi nghiệp cao hơn so với các sinh viên khác, ngụ ý rằng trình độ học vấn có ảnh hưởng đến EI. Ngược lại, nghiên cứu này chỉ ra rằng sinh viên có kinh nghiệm kinh doanh cùng gia đình và sinh viên năm 3 có nhận

thức tích cực hơn về EI so với sinh viên năm cuối.

Một đóng góp khác của nghiên cứu này là mặc dù nhiều nghiên cứu trước đây chỉ ra sự khác biệt về EI theo giới tính (Nguyen, 2018), nhưng nghiên cứu này không tìm thấy sự khác biệt đáng kể nào dựa trên giới tính.

Các trường đại học ở Việt Nam nên nhấn mạnh giáo dục khởi nghiệp trong chương trình giảng dạy nhằm cung cấp sự hỗ trợ giáo dục khởi nghiệp (ES) tốt hơn cho sinh viên. Như nghiên cứu của Phan (2021), môi trường đại học chưa trang bị cho sinh viên kiến thức khởi nghiệp, chưa có nhiều cuộc thi để thúc đẩy tiềm năng và mong muốn khởi nghiệp cho sinh viên. Ngoài ra, hệ sinh thái khởi nghiệp của các trường đại học cần có những đơn vị quan trọng như vườn ươm, văn phòng chuyển giao công nghệ, công viên công nghệ, v.v., để có thể hỗ trợ sinh viên một cách hiệu quả hơn.

6. Hạn chế và gợi ý cho nghiên cứu trong tương lai

Nghiên cứu này tồn tại một số hạn chế. Trước hết, nghiên cứu chỉ tập trung vào các khía cạnh hỗ trợ của trường đại học khi xem xét ý định khởi nghiệp (EI) của sinh viên. Để thu được kết quả chi tiết hơn, các nghiên cứu sau này nên thực hiện phân tích ở nhiều cấp độ, không chỉ dựa trên nhận thức của sinh viên mà còn từ góc nhìn của giảng viên và ban lãnh đạo nhà trường■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Amankwah, J., & Sesen, H. (2021). On the relation between green entrepreneurship intention and behavior. *Sustainability*, 13(13), 7474.
- Ertuna, I. Z., & Gurel, E. (2011). The moderating role of higher education on entrepreneurship. *Education + Training*, 53(5), 387-402.
- Gurel, E., Madanoglu, M., & Altinay, L. (2021). Gender, risk-taking and entrepreneurial intentions: assessing the impact of higher education longitudinally. *Education+ Training*, 63(5), 77-792.
- Israr, M., & Saleem, M. (2018). Entrepreneurial intentions among university students in Italy. *Journal of Global Entrepreneurship Research*, 8(20), 1-14.
- Khuong, M.N., & An, N.H. (2016). The factors affecting entrepreneurial intention of the students of Vietnam national university—a mediation analysis of perception toward entrepreneurship. *Journal of Economics, Business and Management*, 4(2), 104-111.
- Kraaijenbrink, J., Bos, G., & Groen, A. (2010). What do students think of the entrepreneurial support given by their universities? *International Journal of Entrepreneurship and Small Business*, 9(1), 110-125.
- Luc, P.T. (2018). The relationship between perceived access to finance and social entrepreneurship intentions among university students in Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics, and Business*, 5(1), 63-72.

Mustafa, M.J., Hernandez, E., Mahon, C., & Chee, L.K. (2016). Entrepreneurial intentions of university students in an emerging economy: The influence of university support and proactive personality on students' entrepreneurial intention. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*, 8(2), 162 – 179.

Oraison, H., Konjarski, L., & Howe, S. (2019). Does university prepare students for employment? alignment between graduate attributes, accreditation requirements and industry employability criteria. *Journal of Teaching and Learning for Graduate Employability*, 10(1), 173–194.

Phan Tan, L. (2021). Factors affecting entrepreneurial intention: a case study of university students in Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(12), 203-210.

Renko, M., Bullough, A., & Saeed S. (2021). How do resilience and self-efficacy relate to entrepreneurial intentions in countries with varying degrees of fragility? A six-country study. *International Small Business Journal*. 39(2), 130-156.

Ngày nhận bài: 22/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 07/2/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/3/2025

THE IMPACT OF UNIVERSITY SUPPORT ON STUDENTS' ENTREPRENEURIAL INTENTIONS: ENCOURAGING THE ENTREPRENEURIAL SPIRIT AMONG VIETNAMESE YOUTH

● NGUYEN NGOC MAI

Faculty of Economics. Dong Nai University

ABSTRACT

This study investigates the impact of university support factors, specifically educational support, idea development support, and business development support, on students' entrepreneurial intentions in Vietnam. Data were collected from 793 students across 13 universities. The analysis reveals significant variations in students' perceptions of entrepreneurial intentions and university support based on demographic characteristics. Among the three support types, only educational support was found to have a positive and statistically significant effect on entrepreneurial intentions. The study also highlights segment-based differences in students' perceptions of university support, offering valuable insights for enhancing university contributions to fostering entrepreneurship.

Keywords: entrepreneurial intention, student entrepreneurship, university support, the youth.